

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Võ Lâm Sơn;
 2. Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 811/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Kim T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Kim T trình bày, bà T và ông Đ chung sống với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Phan Anh K, sinh năm 1997 và Phan Anh H, sinh năm 1999. Hiện tại, các con chung đã thành niên, có

khả năng lao động nuôi sống bản thân. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, bất đồng quan điểm nên xảy ra cự cãi nhau và không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các con chung do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của bà Trương Kim T; Giấy khai sinh số 207/2005, ngày 04/7/2005 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với Phan Anh K (bản sao); Giấy khai sinh số 208/2005, ngày 04/7/2005 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với Phan Anh H (bản sao); Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Bà T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Đ. Đồng thời, ông Đ cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trương Kim T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông Phan Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trương Kim T và ông Phan Văn Đ sau thời gian quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 25/02/2025, Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của bà T và ông Đ thì không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn.

Xét, bà T và ông Đ chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Anh K, sinh năm 1997 và Phan Anh H, sinh năm 1999. Hiện tại, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Kim T và ông Phan Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Do các con chung Phan Anh K, sinh năm 1997 và Phan Anh H, sinh năm 1999 đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân nên Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023740 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2024; bà Trương Kim T đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Trương Kim T, ông Phan Văn Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm